

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TC  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 03-5-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lò Mai Xiêng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Ngọc Phương

2. Bà Lý Thị Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản Nà Lạn, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.  
( Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn: Anh Lò Văn N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Nà Lạn, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Anh Nhất hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Đầm vệ tinh TC thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:**

Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/6/2012, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lò Văn N nghiện ma túy, chị Lò Thị H và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Nhất vẫn không nghe dẫn đến tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Lò Văn N đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Điểm vệ tinh TC thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn N.

Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Lò Thị Kiều N, sinh ngày 21/8/2014. Hiện tại cả hai cháu Lò Duy N và Lò Thị Kiều N đang sống chung với chị Lò Thị H.

Chị Lò Thị H có nơi cư trú ổn định. Chị Lò Thị H làm trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán tự do, thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Chị Hảo có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Chị Lò Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Lò Duy N và Lò Thị Kiều N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không yêu cầu anh Lò Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị H cam đoan không có nợ chung.

**Trong bản tự khai, bị đơn anh Lò Văn N trình bày (Có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La):**

Về hôn nhân: Anh Lò Văn N và chị Lò Thị H kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/6/2012, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lò Văn N nghiện ma túy. Anh Lò Văn N hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Điểm vệ tinh TC thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Anh Lò Văn N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn N và chị Lò Thị H có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Lò Thị Kiều N, sinh ngày 21/8/2014.

Anh Lò Văn N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Lò Duy N và Lò Thị Kiều N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn N không yêu cầu chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn N khai không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 02/4/2024, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Hảo đã giao nộp, chị Hảo không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2024 tại ủy ban nhân dân xã Tông Lạnh, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lò Thị H và anh Lò Văn N có hộ khẩu thường trú tại bản Nà Lạn, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nhất nghiện ma túy. Anh Nhất hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Điểm vệ tinh TC thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Lò Thị Kiều N, sinh ngày 21/8/2014. Hiện tại cả hai cháu Lò Duy N và Lò Thị Kiều N đang sống chung với chị Lò Thị H. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không nắm được.

Chị Lò Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Hảo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Ý kiến của cháu Lò Duy N và cháu Lò Thị Kiều N đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn N.

Về con chung: Giao cả hai cháu Lò Duy N, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Lò Thị Kiều N, sinh ngày 21/8/2014 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị H, anh Lò Văn N không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn N có địa chỉ tại bản Nà Lạn, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị H, bị đơn anh Lò Văn N: Nguyên đơn chị Lò Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lò Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/6/2012, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nhất nghiện ma túy, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Lò Văn N đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Điểm vệ tinh TC thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh

Sơn La. Chị Hảo cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn N. Anh Lò Văn N không nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hảo và anh Nhất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn N. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Lò Thị Kiều N, sinh ngày 21/8/2014. Hiện tại cháu Lò Duy N và Lò Thị Kiều N đang được chị Hảo chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Lò Duy N và Lò Thị Kiều N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến cháu Lò Duy N và Lò Thị Kiều N đều có nguyện vọng là ở với mẹ.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Tòa án: Chị Hảo có nơi cư trú ổn định, hiện nay làm trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán tự do, có thu nhập. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Lò Duy N và cháu Lò Thị Kiều N đều có nguyện vọng là ở với mẹ (hiện tại cháu Lò Duy N và cháu Lò Thị Kiều N đang ở với chị Hảo), anh Nhất không có nghề nghiệp, thu nhập, nghiệp ma túy không đảm bảo cho việc nuôi con.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao cháu Lò Duy N, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Lò Thị Kiều N, sinh ngày 21/8/2014 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Hảo không yêu cầu, anh Nhất không có khả năng cấp dưỡng).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị H, anh Lò Văn N không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân

sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Duy N, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Lò Thị Kiều N, sinh ngày 21/8/2014 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Lò Thị H không yêu cầu).

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn N không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000980, ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H, anh Lò Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TL, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lò Mai Xiêng**

